

**Trường Việt Ngữ Saddleback**  
24252 El Toro Road, Laguna Woods Ca 92653

---

❖ *Lời Nguyện Trước Giờ Học*

(Làm dấu thánh giá ) Xin Thiên Chúa là Cha nhân từ chúc lành cho buổi học của chúng con hôm nay được kết quả tốt đẹp. Xin giúp chúng con: biết lắng nghe và vâng lời thầy cô giáo. Xin giúp chúng con là những người con ngoan nơi gia đình, là công dân tốt ngoài xã hội. Giúp chúng con trưởng thành trong Đức Tin và Đức Mến; xây dựng một xã hội hòa bình, chân lý và bác ái. Chúng con cầu xin nhân Danh Chúa Giê-su, Chúa chúng con. Amen.(Làm dấu thánh giá)

❖ *Lời Nguyện Sau Giờ Học*

(Làm dấu thánh giá) Lạy Chúa, chúng con cảm ơn Chúa đã ban cho giờ học vừa qua được kết thúc tốt đẹp. Xin cho chúng con ra đi trong an bình và vui tươi. Xin cho chúng con sống ngoan ngoãn và hiếu thảo với cha mẹ ; sống yêu thương và chia sẻ với anh chị em; sống chân thật và giúp đỡ bạn bè. Xin giúp chúng con hoàn thành mọi trách nhiệm nơi gia đình và học đường. Amen. (Làm dấu thánh giá)

## Lời Ngỏ

Bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt là một trong những ước mơ của phần lớn các gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Việc dạy và học tiếng Việt đã trở thành công việc không thể thiếu trong hầu hết các cộng đồng người Việt. Để đáp ứng nhu cầu đó, các thầy cô trường Thánh Tôma Thiện qua bao năm tháng ấp ủ đã biên soạn một bộ sách giáo khoa *Tiếng Nước Tôi*.

Các bài học trong tập sách này được các thầy cô góp nhặt từ những sách giáo khoa Việt Văn được xuất bản trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam và tại các trung tâm Việt Ngữ tại hải ngoại.

Một số bài trong bộ sách này được trích từ những tác phẩm của các nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, mà vì hoàn cảnh chúng tôi không thể trực tiếp xin phép được. Kính mong quý vị, vì lợi ích của việc bảo tồn tiếng Việt và cũng vì lòng quảng đại xin cho chúng tôi được mạn phép làm công việc này.

Bộ sách này được biên soạn với rất nhiều nỗ lực của các thầy cô, nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong muốn các nhà trí thức, nhà giáo, hay các bậc cha mẹ vui lòng bỏ qua. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe những phê bình, góp ý của quý vị.

Ban Biên Soạn  
Trường Thánh Tôma Thiện

## **Mục Lục**

Bài 1: Lê Quý Đôn - Thần Đồng Trí Nhớ.....	1
Bài 2: Chim Chích Bông.....	7
Bài 3: Cây Tre Trăm Đốt.....	11
Bài 4: Sông Hương .....	17
Bài 5: Tết Nguyên Đán .....	23
Bài 6: Hoa Mai Vàng .....	27
Bài 7: Dấu Chấm, Dấu Phẩy, Dấu Hỏi .....	31
Bài 8: Đà Lạt .....	37
Bài 9: Hai Bà Trưng.....	41
Bài 10: Ngô Quyền (897-944) .....	45
Bài 11: Địa Lý .....	49
Bài 12: Đinh Tiên Hoàng – Đinh Bộ Lĩnh ( 920-979 ) .....	55
Bài 13: Lê Đại Hành – Lê Hoàn .....	59
Bài 14: Cây Bút Chì Của Em .....	63
Bài 15: Con Mèo Nhà Em .....	67



## Bài 1: Lê Quý Đôn - Thần Đồng Trí Nhớ

Ông Lê Quý Đôn nổi tiếng là thần đồng trí nhớ. Lên bốn tuổi đã thuộc lòng nhiều bài thơ. Lên bảy tuổi đã biết làm thơ. Ông thi đậu tiến sĩ năm mới hai mươi tuổi.



Một hôm, đến chơi nhà ông lý trưởng, Lê Quý Đôn được đọc cuốn sổ nợ. Ít lâu sau, nhà ông lý trưởng bị cháy, cuốn sổ bị đốt. Lý trưởng phải nhờ Lê Quý Đôn mà ghi lại đầy đủ cuốn sổ nợ cũ.

Một lần Lê Quý Đôn đi sứ qua Tàu, được đọc bài thơ trên tấm bia đá. Lát sau người Tàu hỏi lại bài thơ, Lê Quý Đôn đã đọc lại không sai một chữ.

Do đó, ông được nổi tiếng là thần đồng trí nhớ.

### CHÚ THÍCH

- Nổi tiếng:* Được nhiều người biết đến.  
*Thần đồng:* Đứa trẻ có tài năng đặc biệt.  
*Tiến sĩ:* Người đã đỗ thi đình.  
*Lý trưởng:* Người đứng đầu trong làng.  
*Đi sứ:* Đại diện một nước để đi sang nước khác.  
*Bia đá:* Tảng đá có khắc chữ.

**Ôn Bài**

- Lê Quý Đôn tuy còn nhỏ nhưng có một trí nhớ rất đặc biệt vì thế ông được gọi là thần đồng trí nhớ.

**BÀI TẬP**

**A) Chính Tả**

Bài viết: “Ông Lê Quý Đôn ... trí nhớ.”

**B) Câu Hỏi**

1. Lê Quý Đôn đã thuộc lòng nhiều bài thơ và biết làm thơ vào năm ông bao nhiêu tuổi?
- 

2. Ông thi đậu tiến sĩ năm bao nhiêu tuổi?
- 

3. Tại sao ông được gọi là thần đồng trí nhớ?
-

4. Điền vào chỗ trống:

Một hôm, đến chơi nhà ông \_\_\_\_\_, Lê Quý Đôn được đọc \_\_\_\_\_. Ít lâu sau, nhà ông lý trưởng bị \_\_\_\_\_, cuốn sổ bị \_\_\_\_\_. Lý trưởng phải nhờ \_\_\_\_\_ mà ghi lại đầy đủ cuốn sổ nợ cũ. Một lần Lê Quý Đôn đi sứ qua \_\_\_\_\_, được đọc bài thơ trên tấm bia đá. Lát sau người Tàu hỏi lại \_\_\_\_\_, Lê Quý Đôn đã \_\_\_\_\_ không sai một chữ.

**C) Đặt Câu**

Em hãy đặt câu với mỗi từ:

- *Nổi tiếng*: Nguyễn Du là một thi sĩ nổi tiếng nhất của Việt Nam.

---

- *Trí nhớ*: Quang học giỏi vì có một trí nhớ rất dai.

---

- *Đầy đủ*: Nhà Cường đầy đủ các tiện nghi, không thiếu một thứ gì.

---

## VĂN PHẠM – TÍNH TỪ

**Tính từ** chỉ màu sắc, hình dạng, kích thước của sự vật. Tính từ còn là từ chỉ tính chất của sự vật.

1. Hoa mơ lại *trắng*, vườn cam lại *vàng*.

- Câu hỏi: Trong câu thơ trên, hoa mơ có màu gì? Vườn cam có màu gì?

- Trả lời: Trong câu thơ trên hoa mơ có màu *trắng*, vườn cam có màu *vàng*.

- Kết luận: Các từ *trắng, vàng* chỉ màu sắc của sự vật. Các từ đó được gọi là **tính từ**.

2. Những tảng đá *to* cũng bị nước cuốn. Những cây gỗ *lớn* vùn vụt lao trên dòng nước.

- Câu hỏi: Những tảng đá như thế nào? Những cây gỗ như thế nào?

- Trả lời: Những tảng đá thì *to*, những cây gỗ thì *lớn*.

- Kết luận: Các từ *to, lớn* chỉ hình dạng, kích thước của tảng đá, cây gỗ. Các từ đó cũng được gọi là **tính từ**.

3. Cam Texas *ngọt lịm*.

Khí hậu California rất *mát mẻ*.

- Câu hỏi: Qua hai câu trên, em thấy cam Texas thế nào, khí hậu California thế nào?

- Trả lời: Cam Texas *ngọt lịm*; khí hậu California *mát mẻ*.

- Kết luận: *ngọt lịm*, *mát mẻ* là những từ chỉ tính chất của cam, của khí hậu. Các từ đó là **tính từ**.

**Ôn Bài**

- Tính từ chỉ màu sắc, hình dạng, kích thước của sự vật. Tính từ còn là từ chỉ tính chất của sự vật.**

**BÀI TẬP**

a) Tìm các tính từ (chỉ màu sắc, hình dạng, kích thước của sự vật).

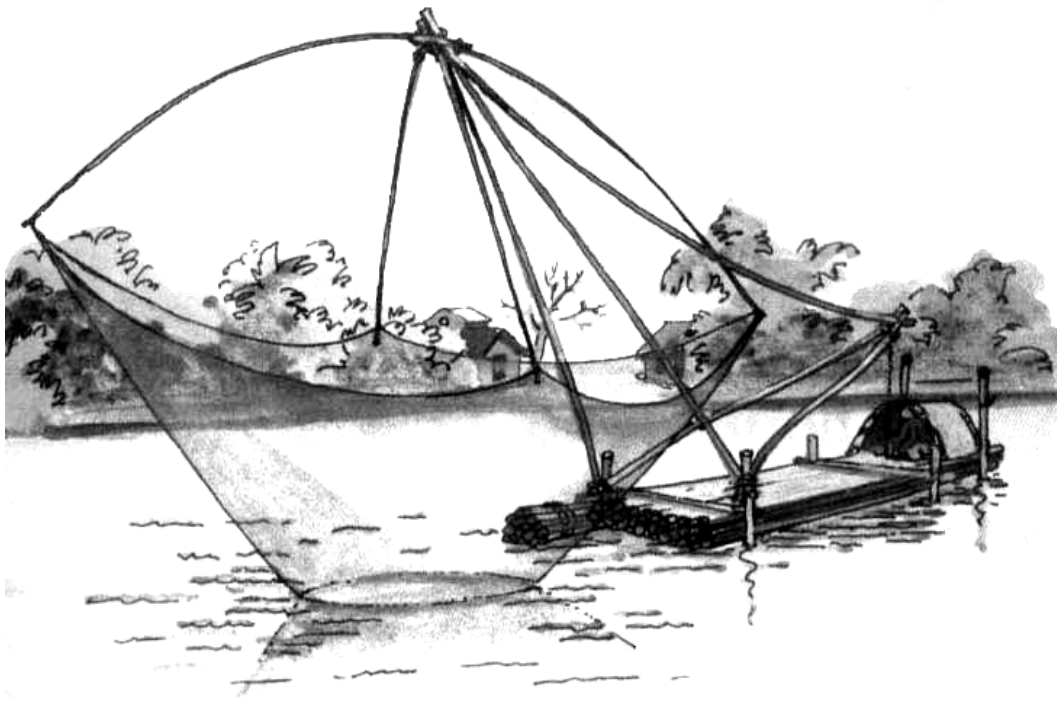
- Cam ngọt vàng cả nông trại.

- Những thân cây trám cao vút chẳng khác gì những cây nến khổng lồ.

b) Tìm các từ chỉ tính chất của sự vật trong câu văn sau:

- Giọng hát thánh thót, ngỡ tưởng chính nhờ giọng hát tuyệt diệu đó mà rừng gọi được ánh nắng rực rỡ từ xa trở lại.

- Lá khô trên đất tí tách muốn trở mình đón ánh nắng ấm áp.



## Bài 2: Chim Chích Bông

---

Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim. Hai chân xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ *liên liền*. Hai chiếc cánh *nhỏ xíu*, cánh nhỏ mà *xoải* nhanh *vun vút*. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh *vỏ trấu* chấp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh *thoăn thoắt*. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong *hốc* đất hay trong thân *cây vừng* *mảnh dẻ*, ốm yếu.



Chích bông tuy nhỏ bé nhưng ai cũng quý. Chẳng những chích bông *xinh xắn* là bạn của trẻ em mà chích bông còn là bạn của bà con nông thôn.

### CHÚ THÍCH

<i>Liên liền:</i>	Nhảy nhanh liên tiếp.
<i>Nhỏ xíu:</i>	Rất nhỏ.
<i>Xoải:</i>	Dang rộng cánh bay.
<i>Vun vút:</i>	Di chuyển rất nhanh.
<i>Vỏ trấu:</i>	Lớp vỏ cứng đã tách ra của hạt thóc.
<i>Thoăn thoắt:</i>	Cử động rất nhanh nhẹn.
<i>Hốc:</i>	Lỗ.
<i>Cây vừng:</i>	Miền nam gọi là cây mè.
<i>Mảnh dẻ:</i>	Nhỏ, gầy.
<i>Xinh xắn:</i>	Xinh và duyên dáng.

### ĐẠI Ý

Chích bông là một loài chim xinh đẹp được mọi người quý mến.

## BÀI TẬP

### A) Chính Tả

Bài viết: “Chích Bông là một ... ốm yếu”.

### B) Câu Hỏi

1. Em hãy nêu những nét tả đặc điểm của con chim chích bông (về chân, cánh, mỏ, ...).

---

---

---

2. Tìm những từ diễn tả sự bé nhỏ của chim chích bông. Trong những từ ấy, từ nào diễn tả sự nhỏ nhất?

---

---

3. Tìm từ gần nghĩa với “xinh”. (*đẹp, giỏi, ngoan*)

---

4. Trong những từ sau đây, em hãy cho biết từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy:

*xinh xắn*: \_\_\_\_\_

*xinh đẹp*: \_\_\_\_\_

*xinh xinh*: \_\_\_\_\_

5. Điền vào chỗ trống:

*trấu* hay *chấu*: châu \_\_\_\_\_, vỏ \_\_\_\_\_

*sâu* hay *xâu*: bắt \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ xé, \_\_\_\_\_ sắc.

### **VĂN PHẠM: TĨNH TỪ**

Em hãy khoanh tròn các tĩnh từ trong đoạn văn sau đây:

Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim. Hai chân xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liến. Hai chiếc cánh nhỏ xíu, cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chắp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong hốc đất hay trong thân cây vừng mảnh dẻ, ốm yếu.



## *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

## Bài 3: Cây Tre Trăm Đốt

---



Xưa có một người có cô con gái rất đẹp. Trong nhà phải thuê một thàng ở để giúp việc. Ông chủ muốn lợi dụng nó, mới bảo nó rằng:

- Mày chịu khó làm ăn với tao, rồi tao gả cô mày cho.

Thàng ở mừng lắm và *gia công*, gia sức làm việc cho chủ không *quản* nắng sương, không *nài* mệt nhọc sớm khuya gì cả.

Nó đã ở được ba năm, trong nhà làm ăn mỗi ngày một giàu có.

Ông chủ bây giờ mới nghĩ bụng rằng:

“Nhà mình giàu có thế này mà gả con cho đứa ở, thì chẳng là uống con, mà người ta lại chê cười cho ru!”

Nghĩ thế, ông chủ bèn đem gả con gái mình cho một nhà khác, giàu sang nhất nhì trong làng.

Sáng hôm sắp đưa dâu, ông chủ gọi thàng ở ra lừa nó, bảo rằng:

- Bây giờ mày chịu khó lên rừng tìm thấy một cây tre trăm đốt đem về đây làm đũa ăn cưới, thì tao cho mày lấy cô mày ngay.

Thàng ở *thật thà*, lập tức vác dao lên rừng.

Nhưng suốt buổi, kiếm hết khu này, khu khác, chẳng đâu thấy có cây tre đủ được trăm đốt.

Nó buồn, nó ngồi khóc hu hu. Bỗng thấy một ông lão đầu tóc bạc phơ đến hỏi rằng:

- Làm sao con khóc? Nói cho ta nghe.

Thằng kia thưa đầu đuôi câu chuyện. Ông lão nghe rồi, bảo rằng:

- Mày đi chặt tre đếm đủ trăm đốt, rồi đem lại đây ông bảo.

Nó làm y theo như lời.

Ông lão bảo nó đọc:

*“Khắc nhập, khắc nhập”* <sup>(1)</sup>

Nó vừa đọc ba lần như thế, thì các đoạn tre tự nhiên liền lại với nhau mà thành một cây tre đủ trăm đốt. Nó mừng quýnh, ghé vai định vác về. Nhưng cây tre dài quá, nhắc lên vướng, không đi được. Nó lại ngồi khóc hu hu.

Ông lão lại đến hỏi:

- Làm sao con khóc?

Nó nói tre dài quá không sao vác được về nhà. Ông lão bảo nó đọc:

*“Khắc xuất, khắc xuất”* <sup>(2)</sup>

Nó vừa đọc xong ba câu thì cây tre lại tức khắc rời ra từng đoạn. Nó liền bó cả lại và gánh về nhà.

Lúc về tới nơi thấy hai họ đang ăn uống *tưng bừng*, sắp đến lúc rước dâu, nó mới biết là ông chủ nó đem con gái gả cho người ta rồi.

Không nói gì cả, nó cứ *lẳng lẳng* đem trăm đoạn tre xếp *dang dang* dưới đất. Rồi nó *lẩm bẩm* nó đọc:

*“Khắc nhập, khắc nhập”*

Tự nhiên một trăm đoạn tre kia chắp liền lại thành một cây tre trăm đốt dài lắm.

Ông chủ thấy chuyện *lạ lùng*, chạy lại gần xem.

Nó cũng đọc luôn:

*“Khắc nhập, khắc nhập”*

Thì ông kia cũng dính liền ngay vào cây tre, không tài nào đẩy ra cho được.

Ông *thông gia* thấy vậy chạy ra, định gỡ cho ông chủ.

Nó đợi lúc tới gần, nó cũng lại đọc:

*“Khắc nhập, khắc nhập”*

Thì cả ông ấy dính chập luôn với cây tre, không sao lìa ra được nữa. Hai họ thấy vậy, không còn ai dám *mon men* đến đó.

Còn hai ông kia van van lạy lạy để nó thả ra cho: ông *thông gia* thì xin về nhà ngay, còn ông chủ thì xin gả con gái cho nó.

Lúc bấy giờ nó mới đọc:

*“Khắc xuất, khắc xuất”*

Thì hai ông kia rời ngay cây tre ra, và cây tre cũng rời ra trăm đoạn.

Rồi quả nhiên lấy được cô ả, không ai dám trêu nó nữa. Vì chuyện này mà sau thành có câu ví rằng:

*Chê ta rồi lại lấy ta,  
Tuy là đĩa ở nhưng mà có công.*

*Nguyễn Văn Ngọc  
Trích từ Truyện cổ nước Nam*

- (1) *Vào ngay, vào ngay*
- (2) *Ra ngay, ra ngay*

## **CHÚ THÍCH**

<i>Gia công:</i>	Bỏ nhiều công sức vào việc làm.
<i>Quản:</i>	E ngại.
<i>Nài:</i>	Cố xin, yêu cầu cho bằng được.
<i>Thật thà:</i>	Không giả dối.
<i>Tưng bừng:</i>	Nhộn nhịp, vui vẻ.
<i>Lẳng lẳng:</i>	Im lặng, không lên tiếng.
<i>Dang dang:</i>	Nằm lãn lóc trên đất.
<i>Lấm bẫm:</i>	Nói nhỏ trong miệng.
<i>Lạ lùng:</i>	Lạ, khó hiểu, làm cho phải ngạc nhiên.
<i>Thông gia:</i>	Hai nhà có con kết hôn với nhau.
<i>Mon men:</i>	Tự tiện, mon men đến gần.

## **ĐẠI Ý**

Bài ngụ ngôn trên dạy ta sống ở đời phải thật thà và giữ chữ tín.

## BÀI TẬP

### A) Câu Hỏi

1. Những chi tiết nào có tính cách trào lộng?

---

2. Những chi tiết nào cho ta thấy “thằng ở” rất thực thà?

---

3. Ông chủ lừa “thằng ở” như thế nào?

---

4. Những chi tiết nào cho ta thấy “thằng ở” tuy thực thà nhưng khá thông minh?

---

5. Tại sao “thằng ở” lấy được cô gái con ông chủ?

---

### B) *d* hay *gi*

\_\_\_\_\_úp việc

thông \_\_\_\_\_a

rước \_\_\_\_\_âu

\_\_\_\_\_ính chặt

\_\_\_\_\_ài ngăn

lợi \_\_\_\_\_ụng

\_\_\_\_\_àu sang

lão \_\_\_\_\_à

con \_\_\_\_\_ao

\_\_\_\_\_àu có



*Ngày nay học tập,  
Ngày mai giúp đời.*

## Bài 4: Sông Hương

Sông Hương là một bức tranh *phong cảnh* khổ dài mà mỗi đoạn, mỗi khúc đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh đó là một màu xanh có nhiều sắc độ, đậm nhạt khác nhau: màu xanh của da trời, màu xanh của nước biếc, màu xanh non của những cánh đồng bắp, thảm cỏ ...

Cứ mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.



Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng *lung linh* dát vàng.

Sông Hương là một *đặc ân* của *thiên nhiên* dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ *êm đềm*.

### CHÚ THÍCH

<i>Phong cảnh:</i>	Vẻ đẹp thiên nhiên.
<i>Lung linh:</i>	Ánh lên những phản chiếu ánh sáng lay động dưới mặt nước.
<i>Đặc ân:</i>	Ơn đặc biệt.
<i>Thiên nhiên:</i>	Cảnh không phải con người tạo nên.
<i>Êm đềm:</i>	Tĩnh lặng và êm dịu, không có sự sáo động.

### ĐẠI Ý

Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế.

## BÀI TẬP

### A) Chính Tả

Bài viết: “Sông Hương ... thăm cỏ”.

### B) Câu Hỏi

1. Em hãy kể những màu xanh trùm lên bức tranh sông Hương?

---

2. Tìm những từ ngữ tả màu sắc của hoa phượng và của sông Hương vào mùa hè?

---

3. Từ ngữ nào tả vẻ đẹp của sông Hương trong đêm trăng?

---

4. Tìm từ trái nghĩa với từ “ồn ào”. (*yên tĩnh, bình tĩnh, rầm rộ*)

---

5. Điền vào chỗ trống:

*tr* hay *ch*: bức \_\_\_\_\_anh, quả \_\_\_\_\_anh.

*l* hay *n*: \_\_\_\_\_ung linh, \_\_\_\_\_ung nấu.

## VĂN PHẠM – CÁCH VIẾT HOA DANH TỪ RIÊNG

Những danh từ dùng để chỉ tên của một người, một nơi chốn hoặc một con sông, một ngọn núi ....gọi là **danh từ riêng**. Danh từ riêng bao giờ cũng phải viết hoa. Tên người (gồm họ, tên đệm, và tên), tên nơi chốn hoặc sông, núi (gọi chung là địa danh) của Việt Nam đều phải viết hoa.

- Em hãy kể tên một bạn trong lớp của em (ví dụ: *Huy* ....)
- Em hãy kể tên thành phố, quận hạt, tiểu bang nơi em đang ở (ví dụ: *thành phố Laguna Woods, quận Orange, tiểu bang California*).

Câu hỏi:

- Mỗi tên em vừa kể là tên gọi của một người, một nơi chốn hay của nhiều người, nhiều nơi chốn?

Trả lời:

- Đó là tên để gọi một người hoặc một nơi chốn.

Kết luận:

- Các tên đó đều là danh từ riêng.

### Ôn Bài

- Những danh từ dùng để chỉ tên của một người, một nơi chốn hoặc một con sông, một ngọn núi ...gọi là danh từ riêng.
- Danh từ riêng bao giờ cũng phải viết hoa.

**BÀI TẬP**

1. Em hãy viết lại tên 5 thành phố, tiểu bang mà em biết.

---

---

2. Em hãy viết lại tên (gồm cả họ, tên đệm và tên) của anh em và bạn bè của em.

---

---

---

---

## **VĂN PHẠM**

Em hãy gạch dưới các chủ từ, khoanh tròn các động từ, đóng ô các tính từ, và viết hoa các danh từ riêng trong đoạn văn sau:

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh khổ dài mà mỗi đoạn, mỗi khúc đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh đó là một màu xanh có nhiều sắc độ, đậm nhạt khác nhau: màu xanh của da trời, màu xanh của nước biếc, màu xanh non của những cánh đồng bắp, thảm cỏ ...

Cứ mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.



*Gắn mực thì đen,  
Gắn đèn thì sáng.*

## Bài 5: Tết Nguyên Đán

---

Đối với người Việt Nam, không có mùa nào trong năm lại vui vẻ, nhộn nhịp và gói ghém nhiều tình tự dân tộc hơn mùa Tết. Mùa Tết bắt đầu từ đầu tháng Chạp tức là tháng cuối cùng của năm âm lịch và có khi kéo dài suốt tháng Giêng. Bởi vậy, mới có câu: “Tháng Giêng là tháng ăn chơi ...”

Ngày Tết trọng đại như vậy, nên việc chuẩn bị ăn Tết rất cần thiết. Theo tục lệ ngày Tết dù giàu, nghèo, nhà nào cũng có cành mai, hoặc cành đào, hay chậu cúc để đón Xuân, mua vài bánh pháo để đón Giao Thừa. Ba ngày đầu năm gọi là ba ngày Tết, gồm có: mùng Một, mùng Hai, mùng Ba. Các món ăn thường thấy là bánh chưng, giò thủ, dưa món. Ở miền Nam, miền Trung người ta làm bánh tét thay cho bánh chưng. Để tiếp khách, nhà nào cũng có hột dưa, bánh mứt, trái cây.

Về mặt tinh thần, ngày Tết là ngày rất thiêng liêng. Tết là dịp mọi người trong gia đình sum họp để tưởng nhớ ông bà tổ tiên đã



khuất. Những người vì sinh kế phải làm ăn xa xôi cũng cố gắng thu xếp công việc để về nhà cho kịp ngày Tết. Đối với gia đình, họ hàng và cả xóm giềng, người nhỏ tuổi thì có bốn phận đến nhà thăm viếng, chúc Tết, chúc tuổi người lớn. Người lớn thì tỏ lòng thương yêu con cháu bằng cách lì xì hay mừng tuổi để lấy hên đầu năm. Trong ngày Tết, đâu đâu người ta cũng nói đến sự may mắn tốt lành. Mọi người đều vui vẻ, thân thiện với nhau.

Ngày nay, chúng ta là những người Việt xa quê hương, nhưng không vì thế mà chúng ta

không gìn giữ những tục lệ đẹp đẽ ấy.

## CHÚ THÍCH

*Nhận nhập:* Tấp nập, đông vui, tạo nên không khí rộn ràng, vui nhộn.  
*Tình tự:* Tâm tình, tâm sự.  
*Sinh kế:* Công ăn, việc làm.

### Ôn Bài

- Tết Nguyên Đán là ngày đầu tiên của một năm mới.
- Ba ngày đầu năm gọi là ba ngày Tết, gồm có: mừng Một, mừng Hai, mừng Ba.

## SINH HOẠT TRONG LỚP

Thầy cô phát lì xì cho các em.

## **BÀI TẬP**

1. Trong những ngày Tết Nguyên Đán, người lớn thường tỏ lòng thương yêu con cháu và lấy hên đầu năm bằng cách nào?

---

2. Theo tục lệ người Việt, Tết là dịp để mọi người tưởng nhớ ông bà, tổ tiên đã khuất. Gia đình em tưởng nhớ đến tổ tiên bằng cách nào?

---

---

## **HỌC THUỘC LÒNG**

Em hãy học thuộc lòng câu đối sau:

***Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ  
Cây nêu, trang pháo bánh chưng xanh***



## Bài 6: Hoa Mai Vàng

---



Hoa mai vàng cũng có năm cánh như hoa đào, nhưng cánh *hoa mai* to hơn cánh *hoa đào* một chút. Những nụ mai không *phô hồng* mà ngời xanh màu ngọc bích. Sắp nở, nụ mai mới *phô vàng*. Khi nở, cánh hoa mai xòe ra *mịn màng* như lụa. Những cánh hoa ánh lên một sắc vàng muốt, *mượt mà*. Một mùi *thơm lựng* như nếp hương *phảng phất* từng chùm *thưa thớt*, không *đom đặc* như hoa đào. Nhưng cành mai *uyển chuyển* hơn cành đào. Vì thế, khi cành mai *rung rinh* cười với gió xuân, ta *liên tưởng* đến hình ảnh một đàn bướm vàng *rập rờn* bay lượn.

### CHÚ THÍCH

<i>Hoa mai:</i>	Một loài hoa nở vào mùa xuân, cánh hoa màu vàng, có nhiều ở miền Nam.
<i>Hoa đào:</i>	Một loài hoa nở vào mùa xuân, cánh hoa màu hồng, có nhiều ở miền Bắc.
<i>Phô hồng:</i>	Để lộ ra màu hồng rất đẹp.
<i>Mịn màng:</i>	Mềm mại.
<i>Mượt mà:</i>	Bóng và mềm.
<i>Thơm lựng:</i>	Rất thơm.
<i>Phảng phất:</i>	Thoang thoảng.
<i>Thưa thớt:</i>	Rất ít, lèo tèo.
<i>Đom đặc:</i>	Dầy, nhiều, liên kết với nhau.
<i>Uyển chuyển:</i>	Hình dáng mềm mại.
<i>Rung rinh:</i>	Rung nhẹ.
<i>Liên tưởng:</i>	Nghĩ đến.
<i>Rập rờn:</i>	Bay lượn nhẹ nhàng, vui đùa.

## **ĐẠI Ý**

Nét đặc biệt của hoa mai trong ngày xuân.

## **BÀI TẬP**

### **A) Chính Tả**

Bài viết: “Hoa mai vàng ... bay lượn”.

### **B) Câu Hỏi**

1. Hoa mai màu gì?

---

2. Hoa mai có mấy cánh?

---

3. Nụ mai lúc còn nhỏ và lúc sắp nở có màu gì?

---

4. Hoa mai thường nở vào mùa nào?

---

5. Điền vào chỗ trống:

Hoa mai vàng cũng có \_\_\_\_\_ như hoa đào, nhưng cánh \_\_\_\_\_ to hơn cánh \_\_\_\_\_ một chút. Những nụ mai không phô hồng mà ngời xanh màu \_\_\_\_\_. Sắp nở, nụ mai mới phô vàng. Khi nở, cánh hoa mai xòe ra mịn màng như lụa. Những cánh hoa ánh lên một \_\_\_\_\_ muốt, mượt mà. Một mùi thơm lừng như \_\_\_\_\_ phảng phất từng chùm thưa thớt, không đậm đặc như hoa đào. Những cành mai uyển chuyển hơn cành đào. Vì thế, khi cành mai rung rinh cười với gió xuân, ta liên tưởng đến hình ảnh một \_\_\_\_\_ rập rờn bay lượn.

6. Từ trái nghĩa với từ “mịn màng” và “thưa thớt”. (*trơn tru, mượt mà, sẵn sùì, lẻ tẻ, dày đặc, loang lổ*)

mịn màng: \_\_\_\_\_

thưa thớt: \_\_\_\_\_

C) Đặt Câu

Em hãy đặt câu với mỗi từ:

- *Hoa mai* : Cứ vào mùa Tết, hoa mai nở rộ trong vườn.
- 

- *Phảng phất*: Vườn hoa phảng phất mùi hương của hoa nhài.
- 

- *Rung rinh*: Ngọn cỏ lau rung rinh trước gió.
- 



## ***Bài 7: Dấu Chấm, Dấu Phẩy, Dấu Hỏi***

---

### **DẤU CHẤM (.)**

**Dấu chấm** đặt ở cuối câu báo hiệu câu đã kết thúc. Viết hết câu, phải ghi dấu chấm. Khi đọc, gặp dấu chấm, phải hạ giọng và nghỉ hơi.

### **BÀI TẬP**

1. Trong đoạn văn sau, các câu được ngăn cách bằng dấu gì?

Bình yêu nhất là đôi bàn tay mẹ. Tay mẹ không trắng đâu. Bàn tay mẹ rám nắng.

---

2. Khi viết hết một câu, em phải làm gì?
- 

3. Em hãy đọc đoạn văn sau, chú ý hạ giọng và nghỉ hơi khi hết câu:

Bình rất thích áp hai bàn tay của mẹ vào má. Hai bàn tay xoa vào má cứ ram ráp nhưng không hiểu sao Bình rất thích.

## **DẤU CHẤM XUỐNG DÒNG**

Dấu chấm xuống dòng đặt ở cuối một đoạn văn để kết thúc đoạn văn đó. Chữ đầu câu của mỗi đoạn văn được ghi lùi vào trong, cách đường kẻ lề một quãng ngắn.

Khi đọc hết một đoạn, gặp dấu chấm xuống dòng, phải hạ giọng và nghỉ hơi lâu hơn.

Thí dụ:

Giờ tôi đang đi giữa những khu vườn cây ăn trái.

Mùa này mít đang xuống quả, mận đang nở hoa trắng và ổi đã cho những trái chín đầu mùa. Bên dưới cái tầng xanh thứ nhất đó là giàn treo quả của bí, bầu, và khổ qua. Nhìn những giàn khổ qua buông trái, tôi nghĩ đến giàn bánh tét của mẹ tôi trong ngày Tết.

Tầng dưới cùng là cái thế giới rậm rạp và đông đúc của các loài rau. Tôi tần ngần đứng lạng rất lâu trong những khu vườn vừa giàu vừa đẹp ấy.

1. Câu Hỏi: Cuối mỗi đoạn văn trên có dấu gì?

Trả lời: *Cuối mỗi đoạn văn trên có dấu chấm.*

2. Câu Hỏi: Chữ đầu câu của đoạn văn tiếp sau có được ghi ở sát đường kẻ lề không?

Trả lời: *Chữ đầu câu của đoạn văn tiếp sau phải ghi lùi vào trong, cách đường kẻ lề một đoạn ngắn.*

**Kết luận:** *Dấu chấm đặt cuối một đoạn văn gọi là dấu chấm xuống dòng.*

## **DẤU PHẨY (,)**

Dấu phẩy được đặt xen kẽ ở trong câu. Một câu có thể có một hoặc nhiều dấu phẩy.

Khi đọc gặp dấu phẩy phải ngắt hơi.

Thí dụ:

Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển sương mù.  
Tiếng hát cao vút, thiết tha.

1. Hỏi: Trong các câu trên, dấu phẩy được đặt ở vị trí nào?

Trả lời: *Trong các câu trên, dấu phẩy được xen kẽ trong câu.*

2. Hỏi: Mỗi câu có mấy dấu phẩy?

Trả lời: *Các câu trên, có câu có một dấu phẩy, có câu có hai dấu phẩy.*

## **BÀI TẬP**

Đọc đoạn văn sau, khi gặp dấu phẩy chú ý ngắt hơi:

Đêm mùa đông, trời mưa phùn. Nằm trong nhà, Hồng lắng nghe tiếng mưa rơi. Hồng nghĩ mà thương đàn gà. Lúc chiều, nghe tin có gió mùa đông bắc tràn về, Hồng đã đi cắt lá chuối khô che kín chuồng gà rồi.

## DẤU CHẤM HỎI (?)

Khi hỏi người khác một điều gì, ở cuối câu hỏi, ta phải đánh dấu chấm hỏi (?).

Khi đọc, gặp câu có dấu chấm hỏi, ta phải đọc cao giọng ở cuối câu.

Thí dụ:

Hiền hỏi Hòa:

- Hòa ơi, bạn có quyền *Tiếng Nước Tôi* 4 không?
- Mình có đấy!

1. Câu hỏi: Trong ba câu trên, câu thứ mấy là câu hỏi? Cuối câu hỏi có dấu câu gì?

Trả lời: *Câu thứ hai là câu hỏi. Sau câu hỏi có dấu chấm hỏi.*



## BÀI TẬP

Đọc đoạn văn sau, chú ý đọc đúng giọng ở các câu có dấu chấm hỏi:

Một lần đang đêm, Thủy chợt thức giấc. Thủy thấy mẹ chưa ngủ. Mẹ nhìn ra phía cửa sổ, nơi cây me sà vào rất gần. Mẹ ngồi im, Thủy lay mẹ hỏi:

- Sao mẹ chưa ngủ, mẹ ngồi làm gì thế?

Mẹ quay lại, ôm lấy Thủy nói:

- Con thức dậy đấy ư? Mẹ không làm gì cả, mẹ đang ngồi.
- Mẹ cứ ngồi thế à?
- Không, mẹ đang nói chuyện đấy!
- Mẹ nói chuyện với ai? Với con thạch sùng à?
- Mẹ nói chuyện với “cây thì thầm” con ạ.
- Cây thì thầm nào hả mẹ?
- Cây me đó con!
- Sao cây me lại là “cây thì thầm!” Cây me là cây me chứ?

Mẹ vuốt tóc Thủy... Thủy định hỏi mẹ nữa. Bao giờ cô bé cũng có hàng trăm câu hỏi “vì sao... ?” trong đầu, nhưng Thủy không kịp hỏi, gió từ “cây thì thầm” thổi vào, cô bé thiếp đi trong điều bí ẩn kỳ diệu ấy ...

### Ôn Bài

- Dấu chấm (.) đặt ở cuối một câu hay, một đoạn văn báo hiệu câu đó hay đoạn văn đó đã kết thúc.
- Dấu phẩy (,) được đặt xen kẽ ở trong câu.
- Khi hỏi người khác một điều gì, ở cuối câu hỏi, ta phải đánh dấu chấm hỏi (?).

## **BÀI TẬP VỀ NHÀ**

### **Khu Vườn**

Mùa này mít đang xuống quả, mận đang nở hoa trắng và ổi đã cho những trái chín đầu mùa. Bên dưới cái tầng xanh thứ nhất đó là giàn treo quả của bí, bầu, và khổ qua. Nhìn những giàn khổ qua buông trái, tôi nghĩ đến giàn bánh tét của mẹ tôi ngày Tết.

Tầng dưới cùng là cái thế giới rậm rạp và đông đúc của các loài rau. Tôi tần ngần đứng lặng rất lâu trong những khu vườn vừa giàu vừa đẹp ấy.

## Bài 8: Đà Lạt



**Đ**à Lạt là một trong những nơi nghỉ mát nổi tiếng vào bậc nhất ở Việt Nam. Đà Lạt *phảng phất* tiết trời của mùa thu với sắc trời xanh biếc và không gian *khoáng đãng*, mênh mông, quanh năm không biết đến mặt trời *chói chang* mùa hè. Đà Lạt giống như một vườn lớn với thông xanh và hoa trái xứ lạnh. Những vườn lê, táo ... trĩu quả, những

vườn xu hào, xà lách, cải bắp *mơn mơn* nổi liền với thảm cỏ xanh trải nghiêng dưới chân núi đến những rừng thông, hoa lá màu xanh mượt mà *bất tận*...

Giữa thành phố có hồ Xuân Hương mặt nước phẳng như gương *phản chiếu* sắc trời êm dịu. Hồ Than Thở, nước trong xanh, êm ả, có hàng thông bao quanh reo nhạc sớm chiều. Rừng mát rượi bóng thông, cỏ xanh mềm dưới chân như thảm trải. Ra xa phía nam thành phố thì gặp con suối Cam Li. Thác xối ào ào tung bọt trắng. Bên bờ suối, những thân cây nghiêng mình *lòa xòa* lá biếc soi gương nước.

### CHÚ THÍCH

<i>Phảng phất:</i>	Thoảng nhẹ, lớt phớt, khó nhận ra.
<i>Khoáng đãng:</i>	Rộng rãi, thoáng mát, không vương tâm nhìn.
<i>Chói chang:</i>	Ánh sáng tỏa rộng, làm cho chói mắt.
<i>Mơn mơn:</i>	Non mượt tươi tốt.
<i>Bất tận:</i>	Vô tận, không bao giờ hết, không bao giờ kết thúc.
<i>Phản chiếu:</i>	Chiếu hắt ánh sáng trở lại.
<i>Lòa xòa:</i>	Buông xuống và tỏa ra không đều.

## **ĐẠI Ý**

Đà Lạt là một thắng cảnh nổi tiếng và nên thơ.

## **BÀI TẬP**

### **A) Chính Tả**

Bài viết: “Đà Lạt ... bất tận”.

### **B) Câu Hỏi**

1. Bầu trời ở Đà Lạt quanh năm đẹp như thế nào?

---

2. Những từ ngữ nào cho ta thấy cây cối, hoa trái, rau cỏ ở Đà Lạt quanh năm tươi tốt?

---

3. Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của rừng, hồ và thác ở Đà Lạt?

---

4. Đặt câu với mỗi từ sau:

- *Phản chiếu*: Tấm gương trên tường phản chiếu ánh sáng của ngọn đèn điện.
- 

- *Mênh mông*: Nhìn biển cả mênh mông, tôi tự thấy mình nhỏ bé lạ thường.
- 

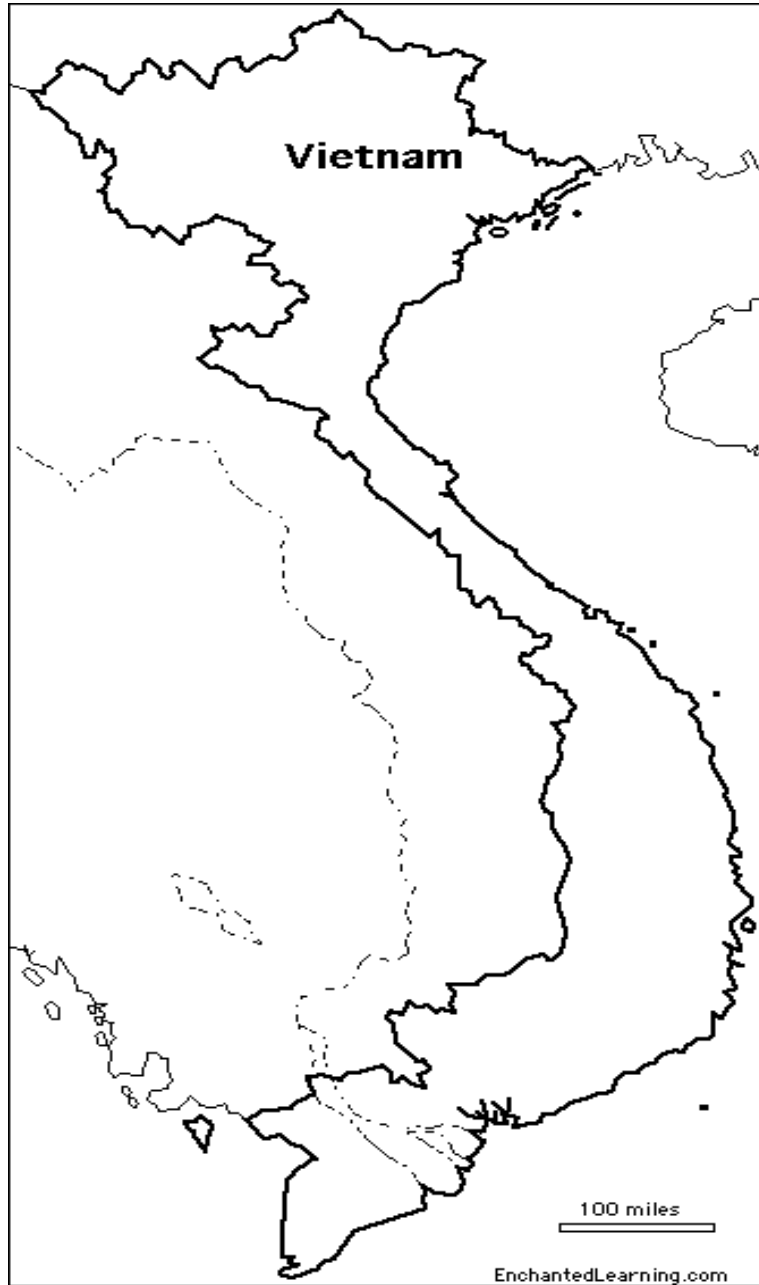
- *Khoáng đãng*: Về tới nhà, Tâm bước vào phòng ngủ, một gian phòng khoáng đãng, không chật chội như văn phòng của chàng.
- 

5. Điền vào chỗ trống:

*chải* hay *trái*: \_\_\_\_\_ qua, \_\_\_\_\_ thăm, \_\_\_\_\_ tóc, bàn \_\_\_\_\_

## **BÀI TẬP VỀ NHÀ**

Em hãy tìm và đánh dấu vị trí của Đà Lạt trên bản đồ Việt Nam.



## ***Bài 9: Hai Bà Trưng***

---



*Bà Trưng quê ở Châu Phong  
Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên.  
Chị em nặng một lời nguyên  
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.  
Ngàn tây nổi áng phong trần  
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên.  
Hồng quân nhẹ bước chinh yên  
Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành.  
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh  
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.*

*Trích từ “Đại Nam quốc sử diễn ca”*

## CHÚ THÍCH

<i>Bà Trưng:</i>	Tức Trưng Trắc.
<i>Châu Phong:</i>	Tức Phong Châu, tên một vùng đất nay thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phú.
<i>Người tham bạo:</i>	Chỉ đến Tô Định, một tên thái thú nhà Hán sang xâm chiếm nước ta. Hắn tìm mọi cách vơ vét của cải của người dân Việt. Hắn thẳng tay giết hại nhiều người Việt yêu nước, trong đó có ông Thi Sách là chồng bà Trưng Trắc.
<i>Nương Tử:</i>	Chỉ người đàn bà trẻ tuổi.
<i>Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân:</i>	Ý nói Hai Bà Trưng đã đứng lên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa thay cho Thi Sách bị Tô Định giết hại (năm 40-43 sau Công Nguyên).
<i>Áng phong trần:</i>	Ý nói Hai Bà Trưng nổi dậy, kéo quân đi đánh giặc với khí thế dũng mãnh.
<i>Long Biên:</i>	Tên một vùng đất nay thuộc tỉnh Hà Bắc.
<i>Hồng quân:</i>	Chỉ người phụ nữ.
<i>Chinh yên:</i>	Ý nói cưới ngựa đi đánh giặc.
<i>Đô kỳ:</i>	Tức kinh đô, nơi vua chúa ở thời xưa.
<i>Mê Linh:</i>	Nay thuộc huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phú.

## ĐẠI Ý

Hai bà Trưng khởi nghĩa đuổi Tô Định khỏi nước và dành độc lập cho nước Việt Nam.

## **BÀI TẬP**

1. Quê của bà Trưng ở đâu?

---

2. Vì sao bà Trưng lại khởi nghĩa đánh giặc?

---

3. Tướng của giặc là ai?

---

4. Bà Trưng đóng đô ở đâu?

---

## **BÀI ĐỌC THÊM**

### **Trưng Nữ Vương (40-43)**

Năm 34, nhà Đông Hán sai Tô Định sang làm Thái Thú quận Giao Chỉ.

Tô Định là người tham lam tàn bạo. Dân chúng vô cùng oán giận, Lạc hầu, Lạc tướng cũng căm hờn. Con Lạc tướng huyện Châu Diên là Thi Sách mưu tính việc chống quân Tàu. Tô Định hay được bèn bắt giết đi. Vợ Thi Sách là Trưng Trắc nổi lên đánh Tô Định để báo thù cho chồng, rửa hận cho nước.



Trung Trắc là con gái Lạc tướng Mê Linh. Bà cùng em là Trưng Nhị phát cờ khởi nghĩa thì các Lạc tướng và dân chúng hưởng ứng rất đông. Chẳng bao lâu, quân hai bà tràn đi khắp nơi, chiếm được 65 thành trì. Tô Định chống cự không lại trốn chạy về Tàu.

Hai bà lên ngôi vua, đóng đô ở Mê Linh (năm 40).

Trung Nữ Vương trị vì được hơn một năm thì nhà Đông Hán sai danh tướng là Mã Viện đem binh sang đánh. Quân của Mã Viện là quân thiện chiến, quân ta thì mới nhóm lên, nhưng nhờ sự dũng cảm quân ta thắng được mấy trận đầu. Quân giặc phải rút về đóng ở vùng Lãng Bạc (tức gần Hồ Tây ở Hà Nội bây giờ). Sau, Mã Viện được thêm viện binh, dùng mưu lừa quân ta kéo lên mạn thượng du rồi đánh úp. Hai bà thua to rút binh về giữ Mê Linh.

Mùa thu năm 43, Mã Viện đem binh vây đánh thành Mê Linh. Quân ít, thế cùng, hai bà phải bỏ chạy. Mã Viện xua quân đuổi theo. Hai bà nhảy xuống sông Hát (chỗ sông Đáy đổ ra Hồng Hà) trầm mình để khỏi sa vào tay giặc.

### **Ôn Bài**

- Trưng Trắc khởi nghĩa đánh Tô Định để trả thù cho chồng, rửa hận cho nước.
- Trưng Trắc lên ngôi vua năm 40, đóng đô ở Mê Linh.
- Trưng Trắc trị vì được ba năm (40-43).

## **HỌC THUỘC LÒNG**

Em hãy học thuộc lòng bài Hai Bà Trưng.

## Bài 10: Ngô Quyền (897-944)

---

**N**gô Quyền sinh năm 857, là một tướng tài, có sức khỏe, có kinh nghiệm đánh giặc, và nhiều *muu trí*.

Ông vừa là tướng, vừa là con rể của Dương Diên Nghệ, người đã đánh đuổi được quân Nam Hán ra khỏi nước ta rồi *tự xưng* là Tiết Độ Sứ. Được 6 năm thì Dương Diên Nghệ bị *tùy tướng* là Kiều Công Tiễn giết để cướp ngôi.



Khi hay tin đó Ngô Quyền lập tức đem quân đánh và giết được Kiều Công Tiễn. Khi bị vây đánh, Tiễn cho người sang Tàu cầu cứu. Vua nhà Hán sai thái tử Hoàng Tháo đem đại binh sang đánh nước ta qua ngã sông Bạch Đằng.

Ngô Quyền cho người lấy cọc gỗ với đầu bịt sắt nhọn đem cắm ở lòng sông. Chờ khi *thủy triều* lên, ông cho quân dùng thuyền nhỏ đến *khiêu chiến*, đánh cầm chừng rồi bỏ chạy dụ cho giặc rượt theo, tới chỗ có cắm cọc nhọn thì đúng lúc nước rút, thuyền giặc bị đâm thủng và chìm. Quân ta từ trên bờ và dưới nước cùng nhau *phản công mãnh liệt*. Quân Nam Hán bị tiêu diệt, thái tử Hoàng Tháo bị bắt và bị giết.

Ngô Quyền lên ngôi năm 939, lấy *niên hiệu* là Ngô Vương, đóng đô ở thành Cổ Loa (Phúc Yên) và mất năm 944, thọ 47 tuổi, làm vua được 5 năm.

## CHÚ THÍCH

<i>Mưu trí:</i>	Mưu kế và tài trí.
<i>Tự xưng:</i>	Tự mình lấy danh hiệu cho mình.
<i>Tùy tướng:</i>	Người tướng bên cạnh mình.
<i>Thủy triều:</i>	Nước sông dâng lên hoặc rút xuống.
<i>Khiêu chiến:</i>	Khích, gây sự cho đối phương phải đánh.
<i>Cầm chừng:</i>	Giữ ở mức độ đại khái để chờ đợi.
<i>Phản công:</i>	Đánh ngược lại.
<i>Mãnh liệt:</i>	Mạnh mẽ và dữ dội.
<i>Niên hiệu:</i>	Danh xưng của vị vua.

## BÀI TẬP

1. Ai đã giết Dương Diên Nghệ?

---

2. Ngô Quyền và Dương Diên Nghệ có liên hệ gì với nhau?

---

3. Vua nhà Hán đã sai ai mang quân sang đánh nước ta?

---

4. Ngô Quyền đã dùng phương pháp nào để thắng quân Nam Hán?  
Ngô Quyền lên ngôi năm nào? Đóng đô ở đâu và niên hiệu là gì?

---

## Ôn Bài

- ❑ Ngô Quyền đã giết Kiều Công Tiễn và phá được quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng để giành độc lập cho nước Việt Nam.
- ❑ Ngô Quyền lên ngôi năm 939, lấy niên hiệu là Ngô Vương, đóng đô ở thành Cổ Loa (Phúc Yên).

## BÀI ĐỌC THÊM

# Sông Bạch Đằng



Sông Bạch Đằng là một nhánh của sông Thái Bình, phân địa giới hai tỉnh Kiên An và Quảng Yên ngày nay và đổ ra cửa Nam Triệu. Sông rộng và sâu, bởi thế tàu biển phải vào cửa Nam Triệu rồi mới do lạch sông Đình Vũ mà chạy tới Hải Phòng ở trên bờ sông Cửa Cấm.

Xưa kia binh thuyền của Tàu kéo sang đánh nước ta thường do sông ấy mà tiến vào trong đất, nên có nhiều trận thủy chiến đã xảy ra trên mặt sông ấy. Trong các trận đó, đáng ghi nhất là trận Ngô Quyền đánh phá quân

Nam Hán năm 938 và trận Trần Quốc Tuấn đánh tan quân Mông Cổ năm 1288.

*Sông Đằng một dải dài ghê!  
Luồng to, sóng lớn dôn về bể Đông.  
Trời Nam sinh kẻ anh hùng,  
Tăm kèn yên lặng, non sông vững vàng.*

## BÀI TẬP

1. Sông Bạch Đằng là một nhánh của sông nào?

---

2. Trong lịch sử nước Việt Nam, có hai trận đánh trên sông Bạch Đằng. Hai trận đó do ai chỉ huy và vào năm nào?

---



## Bài 11: Địa Lý

---

### Việt Nam: Vị Trí, Ranh Giới

Nước Việt Nam ở miền Đông Nam châu Á, hình cong như chữ S và diện tích ước khoảng 330,000 km<sup>2</sup>, với dân số hơn 80 triệu người. Diện tích của nước Việt Nam tương đương 4/5 diện tích của tiểu bang California.

Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Thái Bình Dương (còn gọi là biển Đông) với hơn 2200 km bờ biển, phía Tây giáp Ai Lao và Cam Bốt.



Nước Việt Nam chia ra làm ba miền: miền Bắc, miền Trung, và miền Nam. Miền Bắc bắt đầu từ ải Nam Quan cho đến hết tỉnh Ninh Bình. Miền Trung bắt đầu từ Thanh Hóa cho đến Bình Thuận.



Miền Nam bắt đầu từ Phước Long đến mũi Cà Mau.

Các thành phố quan trọng của miền Bắc gồm có: Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định. Miền Trung gồm có: Huế, Đà Nẵng, và Nha Trang. Miền Nam gồm có: Sài Gòn, Biên Hòa, và Cần Thơ.

Các thương cảng quan trọng của Việt Nam là Hải Phòng, Đà Nẵng, và Sài Gòn.

**Ôn Bài**

- ❑ Nước Việt Nam ở miền Đông Nam châu Á, hình cong như chữ S và diện tích ước khoảng 330,000 km<sup>2</sup>, với dân số hơn 75 triệu người.
- ❑ Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Thái Bình Dương (còn gọi là biển Đông) với hơn 2200 km bờ biển, phía Tây giáp Ai Lao và Cam Bốt.

**BÀI TẬP**

1. Nước Việt Nam nằm về phía nào ở châu Á? Diện tích ước khoảng bao nhiêu km<sup>2</sup>?

---

---

2. Nước Việt Nam có hình dạng như thế nào?

---

3. Việt Nam tiếp giáp với những quốc gia và biển nào?

---

4. Việt Nam được chia làm mấy miền?

---

5. Biển Thái Bình Dương còn gọi là gì? Dài bao nhiêu km bờ biển?

---

6. Hãy kể các thành phố quan trọng của miền Bắc, miền Trung, và miền Nam?

---

7. Hãy kể các thương cảng quan trọng của Việt Nam?

---

## **Thành Phố Quan Trọng của Các Miền**

Nước Việt Nam chúng ta gồm có ba miền: miền Bắc, miền Trung, và miền Nam.

Hà Nội, Hải Phòng, và Nam Định là những thành phố lớn của miền Bắc. Hà Nội được mệnh danh là đất “Ngàn Năm Văn Vật” vì có nhiều di tích cổ xưa. Hải Phòng là một thương cảng quan trọng.

Ở miền Trung có thành phố Huế còn được gọi là “Cố Đô Huế”, vì Huế là kinh đô của các vua nhà Nguyễn. Đà Nẵng và Cam Ranh là hai cảng quan trọng của nước ta. Đà Nẵng là thương cảng còn Cam Ranh là quân cảng.





Ở miền Nam có Sài Gòn là một thành phố trù phú và đông dân cư, và còn là một thương cảng quan trọng được mệnh danh là “Hòn Ngọc Viễn Đông”. Trước năm 1975, Sài Gòn là thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa.

Miền Nam có thành phố Cần Thơ, nằm bên bờ sông Hậu Giang, cách Sài Gòn khoảng 170 km về hướng Tây Nam. Tỉnh Cần Thơ là vựa lúa miền Tây và còn là một trung tâm buôn bán, trao đổi hàng hóa, sản vật .... của hầu hết các tỉnh ở miền Nam nước ta và được gọi là Tây Đô.

### **Ôn Bài**

- Hà Nội được mệnh danh là đất “Ngàn Năm Văn Vật” vì có nhiều di tích cổ xưa.
- Thành phố Huế còn được gọi là “Cố Đô Huế”, vì Huế là kinh đô của các vua nhà Nguyễn.
- Sài Gòn được mệnh danh là “Hòn Ngọc Viễn Đông”. Trước năm 1975, Sài Gòn là thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa.

**BÀI TẬP**

1. Em hãy kể những thành phố lớn ở miền Bắc?

---

2. Tại sao Hà Nội được gọi là đất *Ngàn Năm Văn Vật*?

---

3. Hãy kể các thương cảng quan trọng của Việt Nam?

---

4. Tại sao gọi là *Cố Đô Huế*?

---

5. "*Hòn Ngọc Viễn Đông*" dùng để gọi thành phố nào của Việt Nam?

---

6. Thành phố Cần Thơ cách Sài Gòn bao nhiêu km? Và có tên là gì?

---

---

---

## BÀI LÀM Ở NHÀ

Em hãy chọn một trong bốn đề tài sau để trình bày cho các bạn trong lớp tuần sau.

1. Hình ảnh về trang phục đặc trưng của mỗi miền.
2. Âm nhạc của mỗi miền.
3. Món ăn đặc sắc của mỗi miền.
4. Sự khác biệt trong ngôn ngữ của mỗi miền.



## Bài 12: Đinh Tiên Hoàng – Đinh Bộ Lĩnh ( 920-979 )

---

**Đ**inh Bộ Lĩnh sinh năm 920, là con ông Đinh Công Trứ, *thứ sử* Hoan Châu. Cha mất sớm, ông theo mẹ về quê ở với chú. Nhà nghèo nên phải đi chăn trâu. Khi ở ngoài đồng, ông thường rủ những đứa trẻ chăn trâu khác bẻ bông lau làm cò và bày *thế trận* đánh nhau và lúc nào ông cũng là kẻ chiến thắng.

Lớn lên, ông theo giúp *sứ quân* Trần Lãm. Ông là người có *chí khí hiên ngang, cử chỉ đĩnh đạc* nên được họ Trần thương mến và cho dự phần quan trọng. Thấy ông có tài quân sự nên trước khi chết, Trần Lãm giao hết binh quyền cho ông. Ông chuyển quân về Hoa Lư và *chiêu mộ* thêm được nhiều binh sĩ, đánh dẹp được loạn Thập Nhị Sứ Quân. Vì đánh đâu thắng đó nên được binh sĩ gọi là Vạn Thắng Vương.

Năm 968, ông lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Đinh Tiên Hoàng. Ông đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, trị vì được 12 năm.

Vua Đinh Tiên Hoàng *lưu tâm* về quân sự, mở mang về võ nghệ, đặt phép tắc trong triều, định *phẩm hàm* cho văn võ quan, phong thưởng cho người có công.

Vua Đinh Tiên Hoàng mất năm 979, thọ 59 tuổi. Hiện nay đền thờ của ông còn tại động Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

## CHÚ THÍCH

<i>Thế sử:</i>	Quan trông coi một hay một số quân.
<i>Thế trận:</i>	Cách bố trí các lực lượng trong trận đánh.
<i>Sứ quân:</i>	Tướng lĩnh có thế lực nổi dậy chiếm cứ một địa phương.
<i>Chí khí:</i>	Ý muốn bền bỉ, mạnh mẽ, quyết khắc phục mọi trở ngại.
<i>Hiên ngang:</i>	Tự tin, không chịu khuất phục trước những sự đe dọa.
<i>Cử chỉ:</i>	Cử động, biểu lộ một trạng thái.
<i>Đĩnh đạc:</i>	Đàng hoàng và đầy tự tin.
<i>Chiêu mộ:</i>	Tập hợp để tuyển chọn người tài.
<i>Lưu tâm:</i>	Chú ý một cách đặc biệt.
<i>Phẩm hàm:</i>	Cấp bậc của một viên quan.

### Ôn Bài

- ❑ Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp được 12 sứ quân và trở thành vua Đinh Tiên Hoàng.
- ❑ Vì đánh đâu thắng đó, Đinh Bộ Lĩnh được binh sĩ gọi là Vạn Thắng Vương.
- ❑ Năm 968, ông lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Đinh Tiên Hoàng. Ông đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, trị vì được 12 năm.

## BÀI TẬP

### A) Câu Hỏi

1. Khi nói đến “*tập trận cờ lau*” ta nghĩ đến ai?

---

2. Đinh Bộ Lĩnh là con của ai? Tại sao ông phải đi chăn trâu?

---

---

3. Ông theo giúp ai? Lý do nào ông đã nắm binh quyền?

---

4. Tại sao Đinh Bộ Lĩnh được gọi là Vạn Thắng Vương?

---

5. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế năm nào? Niên hiệu là gì?

---

6. Ông đặt tên nước là gì? Đóng đô ở đâu? Và trị vì được bao nhiêu năm?

---

7. Ông mất năm nào? Thọ bao nhiêu tuổi?

---

**B) Ngũ Vụng**

Em hãy sửa và viết đúng các từ sau đây:

Trí khí: \_\_\_\_\_

Hiên ngang: \_\_\_\_\_

Ngèò nà:n: \_\_\_\_\_

Chấn châu: \_\_\_\_\_

Dúp đờ: \_\_\_\_\_

**VĂN PHẠM**

Em hãy gạch dưới các chủ từ, khoanh tròn các động từ, đóng ô các tĩnh từ, và viết hoa các danh từ riêng trong đoạn văn sau:

Đinh Bộ Lĩnh là người có chí khí hiên ngang, cử chỉ đĩnh đạc nên được họ trần thương mến và cho dự phần quan trọng. Thấy ông có tài quân sự nên trước khi chết, trần lãm giao hết binh quyền cho ông.

## Bài 13: Lê Đại Hành – Lê Hoàn

Lê Hoàn người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm nay là tỉnh Hà Nam, đã giúp vua Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân và làm quan đến chức Thập Đạo Tướng Quân dưới đời nhà Đinh. Khi triều đình nước ta *lộn xộn*, nhà Tống bên Tàu *cử* đại binh sang đánh.



Lê Hoàn cử Phạm Cự Lượng làm đại tướng quân, đem binh ra ải Chi Lăng chống cự, tự mình

*xuất quân thủy chiến* ngăn địch ở sông Bạch Đằng. Trước khi xuất binh, Phạm Cự Lượng hội họp tướng sĩ bàn về việc lập Lê Hoàn lên làm vua. Quân sĩ và triều đình *tôn* ông lên làm vua. Lê Hoàn xưng đế, lấy *hiệu* là Lê Đại Hành rồi *thân chinh* đi đánh giặc.

Lê Đại Hành phá được quân Tống ở phía Bắc, xong đem quân đi dẹp loạn tại 49 bộ lạc Mường ở Hà Nam. Sau đó sang đánh Chiêm Thành ở phía Nam vì vua Chiêm bắt giam *sứ giả* nước ta. Quân ta chiến thắng và chiếm kinh đô của Chiêm Thành. Từ đây Vua Lê Đại Hành cùng các quan cùng lo việc nước.

Lê Đại Hành mất năm 1005, thọ 65 tuổi, làm vua được 24 năm. Nhà Tiền Lê làm vua được 3 đời.

## CHÚ THÍCH

<i>Lộn xộn:</i>	Không có trật tự.
<i>Xuất quân:</i>	Ra quân để chiến đấu.
<i>Thủy chiến:</i>	Trận đánh trên sông hoặc biển.
<i>Tôn:</i>	Đưa lên một địa vị cao quý.
<i>Hiệu:</i>	Tên xưng.
<i>Thân chinh:</i>	Tự mình đi đánh giặc.
<i>Sứ giả:</i>	Người được vua phái đi giao thiệp với nước ngoài.

### Ôn Bài

- Lê Hoàn được Phạm Cự Lạng và quân sĩ tôn lên làm vua để chống lại với nhà Tống.
- Lê Hoàn xưng để lấy niên hiệu là Lê Đại Hành.
- Nhà Tiền Lê làm vua được ba đời.

## BÀI TẬP

### A) Câu Hỏi

1. Lê Hoàn làm vua dưới đời vua nào bên Tàu?

---

2. Khi quân Tàu đem binh sang đánh nước ta, Lê Hoàn cử ai đem binh ra ải Chi Lăng chống cự?

---

3. Trước khi xuất binh, Phạm Cự Lượng đã làm gì?

---

4. Lê Hoàn xưng đế, lấy hiệu là gì?

---

5. Lê Đại Hành mất năm nào? Thọ bao nhiêu tuổi? Làm vua được bao nhiêu năm? Nhà Tiền Lê làm vua được bao nhiêu đời?

---

---

**B) Ngữ Vựng**

Em hãy sửa và viết đúng các từ sau đây:

Nộn xộn: \_\_\_\_\_

Trống cự: \_\_\_\_\_

Bắt dam: \_\_\_\_\_

Triển thắng: \_\_\_\_\_

Nghăn chặn: \_\_\_\_\_

## VĂN PHẠM

Em hãy gạch dưới các chủ từ, khoanh tròn các động từ, đóng ô các tính từ, và viết hoa các danh từ riêng trong đoạn văn sau:

Lê hoàn cử phạm cự lượng làm đại tướng quân, đem binh ra ải chi căng chống cự, tự mình xuất quân thủy chiến ngăn địch ở sông Bạch Đằng.



## Bài 14: Cây Bút Chì Của Em

---

Bước vào năm học mới, bố dẫn em đi mua một số đồ dùng học tập, trong đó có cây bút chì.

Cây bút của em đẹp lắm, bên ngoài được phủ một lớp sơn màu nhạt có những vệt lẫn màu đỏ chạy viền ở chung quanh. Một đầu bút có cục gôm đỏ được gắn bởi miếng thiếc trắng sáng. Toàn thân bút tròn đều, *thoạt nhìn* trông giống như một chiếc đĩa. Năm cuộn tròn trong thân



bút là một *thỏi* chì dài và mềm, màu đen có ánh bạc. Em ngắm nhìn cây bút hồi lâu. Sau đó lấy chuốt viết chì ra chuốt. Lớp gỗ thông mềm, mỏng đưa nhau *đùn ra*. Đầu bút chì *nhú dần* ra, tròn, nhọn, đen bóng. Em thích thú ngồi vẽ thử, những nét đen, mờ *ngộ nghĩnh* hiện lên mặt giấy. Quay ngược viết chì để tẩy, thì các nét đen mờ dần, sau đó biến mất.

Hằng ngày, mỗi khi ngồi học bài, em dùng bút chì để viết bài. Em luôn giữ gìn bút cẩn thận. Học xong em lại cất bút vào hộp để không bị rơi gãy đầu bút chì. Em không làm dơ thân bút để giữ nguyên màu vàng đẹp. Cây bút như là người bạn nhỏ thân của em.

### CHÚ THÍCH

- Phủ*: Bao bọc.  
*Thoạt nhìn*: Nhìn thoáng qua.  
*Thỏi*: Một khối, thường được đúc ra.  
*Đùn ra*: Được đẩy ra từ bên trong.  
*Nhú dần*: Từ từ lộ ra.  
*Ngộ nghĩnh*: Trông lạ mắt.

### ĐẠI Ý

Đặc điểm của cây viết chì do bố dẫn em đi mua hồi đầu năm học.

## **BÀI TẬP**

### **A) Câu Hỏi**

1. Em có cây bút chì trong trường hợp nào? Cây bút chì được mua hay được người khác cho vào dịp nào?

---

2. Em hãy giới thiệu cây bút chì của em một cách thú vị (chú ý nêu lên những đặc điểm riêng, những nhận xét cụ thể). Bút chì sơn màu gì? Ruột bút chì màu gì?

---

3. Bút chì của em có thể so sánh với vật gì?

---

4. Em đã dùng bút chì vào những việc gì? Em đã giữ gìn bút chì ra sao?

---

---

---

---

**B) Đặt Câu**

- *thích thú*: Huy thích thú ngắm nhìn bức tranh sắc sỡ trên tường.
- 

- *giữ gìn*: Để giữ gìn sức khỏe, Tâm tập thể dục hằng ngày.
- 

- *cẩn thận*: Bà Tư cẩn thận đưa tay đỡ lấy tách trà, rồi từ từ đặt xuống mặt bàn.
- 

**VẤN PHẠM**

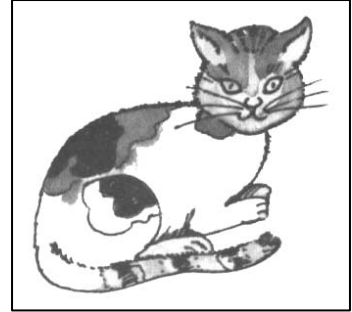
Em hãy gạch dưới các chủ từ, khoanh tròn các động từ, đóng ô các tính từ, và viết hoa các danh từ riêng trong đoạn văn sau:

Cây bút của em đẹp lắm, bên ngoài được phủ một lớp sơn màu nhạt có những vệt lăn màu đỏ chạy viền ở chung quanh. Một đầu bút có cục gôm đỏ được gắn bởi miếng thiếc trắng sáng. Toàn thân bút tròn đều, thoạt nhìn trông giống như một chiếc đĩa.



## Bài 15: Con Mèo Nhà Em

Con mèo nhà em đang nuôi là do bác Hai, người hàng xóm tặng mẹ em khi nó được vài tháng tuổi. Nhà em nuôi nó đã hơn tháng nay. Nó đã quen với mọi người trong gia đình.



Chú mèo chỉ nhỏ bằng trái mướp hương, trông rất xinh, lông *mịn màng*, toàn thân một màu *đen tuyền*. Đầu chú tròn, hai tai vểnh, mắt trông tròn như hai hòn bi. *Mồm* chú hơi rộng, có răng nanh dùng để *vồ mồi*. Chú đã có ria mép nhỏ, dài, luôn động đậy. Chân chú ngắn, có móng vuốt sắc lẹ lúng. Đặc biệt chú có cái đuôi rất ngắn thường cong tròn như một con sâu khổng lồ. Chú có dáng đi êm nhẹ, nhảy cao, trèo giỏi nên chú bắt chuột rất tài. Đêm đêm, em chỉ nghe tiếng “chít” thế là em biết đã hết đời một chú chuột.

Bình thường chú rất lành, suốt ngày nằm *lim dim*, trong xó bếp, nhưng khi thấy bóng dáng chuột thì phải biết, chú *hung hăng* dữ tợn, miệng luôn “gừ gừ”, có khi phát ra những tiếng kêu nghe rợn người, nhất là những đêm *thanh vắng*.

Nhờ chú mèo mà nhà em đỡ bị lũ chuột nhắt “quậy” phá. Mọi người trong nhà ai cũng yêu quý chú. Riêng em mỗi khi vắng chú, em cảm thấy buồn.

### CHÚ THÍCH

- Mịn màng*: Nhỏ sọc, sờ vào thấy nhẵn, mềm.  
*Đen tuyền*: Rất là đen.  
*Mồm*: Miệng của thú vật.  
*Vồ mồi*: Lao mình tới để bắt mồi.  
*Lim dim*: Mắt nhắm chưa khít.  
*Hung hăng*: Dữ tợn.  
*Thanh vắng*: Yên tĩnh và vắng người.

## **ĐẠI Ý**

Chú mèo nhỏ rất dễ thương do một người hàng xóm tặng và được mọi người yêu quý.

## **BÀI TẬP**

### **A) Câu Hỏi**

1. Con mèo nhà em mới nuôi hay nuôi lâu rồi? Bố, mẹ em mua nó hay được ai cho?

---

2. Con mèo to hay nhỏ? Bằng khoảng chừng nào?

---

3. Những đặc điểm của con mèo. (Màu lông, đầu, tai, mắt, mũi, mõm, răng, thân mình, chân, đuôi) Nó đi, chạy, leo, nhảy, nằm như thế nào?

---

4. Em có thấy nó rình bắt chuột không?

---

5. Em có thích con mèo đó không?

---

B) s hay x

hàng \_\_\_\_\_ óm

\_\_\_\_\_ ó bếp

\_\_\_\_\_ âu bọ

\_\_\_\_\_ inh xắn

\_\_\_\_\_ ắc bén

\_\_\_\_\_ uốt ngày

VĂN PHẠM

Em hãy gạch dưới các chủ từ, khoanh tròn các động từ, đóng ô các tính từ, và viết hoa các danh từ riêng trong đoạn văn sau:

Chú mèo chỉ nhỏ bằng trái mướp hương, trông rất xinh, lông mịn màng, toàn thân một màu đen tuyền. Đầu chú tròn, hai tai vểnh, mắt trông tròn như hai hòn bi. Mồm chú hơi rộng, có răng nanh dùng để vồ mồi.



